

PHÁP LUẬT VỀ KHAI THÁC THƯƠNG MẠI SÁNG CHẾ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

NGUYỄN TRỌNG TIẾN

Bộ Nội vụ

Email: Nguyentrongtien197979@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/8/2026

Ngày sửa bài: 5/9/2026

Ngày duyệt đăng bài: 16/9/2026

Tóm tắt:

Sáng chế là một loại tài sản trí tuệ quan trọng, có vai trò thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc khai thác và chuyển hóa sáng chế thành giá trị kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực pháp luật có liên quan, bài viết làm rõ nội hàm của hoạt động khai thác thương mại đối với sáng chế. Đồng thời, bài viết phân tích thực trạng khai thác thương mại sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả khai thác thương mại sáng chế, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: sáng chế, khai thác thương mại, sở hữu trí tuệ

The legal framework on the commercial exploitation of patents by Vietnamese enterprises in the context of international integration: Current situation and recommendations

Abstract:

Patents are an important form of intellectual property that plays a significant role in promoting innovation and enhancing the competitiveness of enterprises. In the context of international economic integration, the commercial exploitation and transformation of patents into economic value are of particular importance to the development of Vietnamese enterprises. Based on an analysis of the current legal framework governing intellectual property, science, technology and innovation, technology transfer, and other relevant areas of law, this study clarifies the concept and scope of the commercial exploitation of patents. The study also examines the current situation of patent commercial exploitation by Vietnamese enterprises. Based on these findings, the study proposes several recommendations to improve the legal framework and enhance the effectiveness of patent commercial exploitation, thereby promoting innovation and strengthening the competitiveness of Vietnamese enterprises.

Keywords: patents; commercial exploitation; intellectual property.

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, yêu cầu nâng cao hiệu quả khai thác các tài sản trí tuệ, đặc biệt là sáng chế, càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thời gian qua, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó có các quy định liên quan đến việc xác lập, bảo hộ, chuyển giao và khai thác quyền đối với sáng chế. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động khai thác thương mại sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhiều sáng chế chưa được khai thác hiệu quả hoặc chưa được chuyển hóa thành các sản phẩm, dịch vụ có giá trị kinh tế; hoạt động chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng sáng chế và các hình thức thương mại hóa khác còn chưa tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh những hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ và quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, một số quy định pháp luật và cơ chế tổ chức thực thi pháp luật cũng cần tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá nhằm bảo đảm môi trường pháp lý thuận lợi cho quá trình đưa sáng chế vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu đánh giá thực trạng các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, từ đó nhận diện những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về khai thác thương mại sáng chế, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị tài sản trí tuệ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Khái quát về khai thác thương mại đối với sáng chế

Sáng chế là đối tượng quan trọng của quyền sở hữu công nghiệp, đồng thời là kết quả của hoạt động sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ. Theo khoản 12 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022, sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên (Quốc hội, 2005a). Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức Bằng độc quyền sáng chế khi đáp ứng các điều kiện về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp; trường hợp đáp ứng các điều kiện tương ứng nhưng không có trình độ sáng tạo có thể được bảo hộ dưới hình thức Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Việc xác lập quyền bảo hộ tạo cơ sở pháp lý để chủ sở hữu khai thác giá trị kinh tế của sáng chế. Theo đó, sử dụng sáng chế bao gồm sản xuất, áp dụng quy trình, khai thác công dụng, lưu thông, quảng cáo, chào bán, tàng trữ để lưu thông và nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ (Quốc hội, 2005a).

Bên cạnh quyền trực tiếp sử dụng sáng chế, pháp luật sở hữu trí tuệ còn tạo cơ sở cho chủ sở hữu thực hiện các giao dịch nhằm khai thác giá trị kinh tế của sáng chế thông qua việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp. Theo đó, chủ sở hữu có thể chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế hoặc chuyển quyền sử dụng sáng chế cho tổ chức, cá nhân khác theo các điều kiện và trình tự do pháp luật quy định. Thông qua các hình thức này, sáng chế không chỉ được khai thác bởi chính chủ sở hữu mà còn có thể được đưa vào quá trình sản xuất, kinh doanh thông qua sự tham gia của các chủ thể khác có năng lực tài chính, công nghệ và thị trường phù hợp.

Khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 xác định hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động sinh lợi khác (Quốc hội, 2005b). Theo đó, việc sử dụng, chuyển giao hoặc định đoạt quyền đối với sáng chế nhằm tạo ra doanh thu, lợi nhuận hoặc lợi ích kinh tế được xem là khai thác thương mại sáng chế. Đặc biệt, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 đã mở rộng cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại hóa. Theo Điều 27, chủ sở hữu được tự quyết định việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức như bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, hợp tác, liên doanh, liên kết, thành lập doanh nghiệp và tự khai thác, sử dụng (Quốc hội, 2005c).

Khai thác thương mại đối với sáng chế không chỉ là việc chủ sở hữu trực tiếp sử dụng sáng chế trong sản xuất, kinh doanh mà còn bao gồm các giao dịch và phương thức tổ chức khai thác nhằm chuyển hóa giá trị của sáng chế thành lợi ích kinh tế. Theo đó, có thể hiểu khai thác thương mại đối với sáng chế là việc chủ sở hữu hoặc chủ thể có quyền hợp pháp sử dụng, chuyển giao, định đoạt hoặc tổ chức khai thác sáng chế nhằm tạo ra doanh thu, lợi nhuận và các lợi ích kinh tế khác. Các hình thức chủ yếu gồm: tự khai thác trong sản xuất, kinh doanh; chuyển nhượng quyền sở hữu; chuyển quyền sử dụng; hợp tác, liên doanh, liên kết; thành lập doanh nghiệp và các hình thức khai thác hợp pháp khác. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, khai thác thương mại sáng chế là cầu nối giữa hoạt động sáng tạo, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tạo lập giá trị kinh tế. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này không chỉ góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu mà còn tạo điều kiện đưa sáng chế vào sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy thương mại hóa kết quả đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

3. Thực trạng khai thác thương mại đối với sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình quốc gia chủ động gắn kết nền kinh tế với khu vực và thế giới thông qua mở rộng thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ và hợp tác kinh tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khoa học, công nghệ phát triển nhanh, hội nhập vừa tạo cơ hội mở rộng thị trường, vừa gia tăng áp lực cạnh tranh, đòi hỏi doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, đặc biệt là sáng chế. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc tạo ra và khai thác sáng chế giúp cải tiến quy trình, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng và tạo lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, sáng chế chỉ thực sự tạo ra giá trị kinh tế khi được bảo hộ, đưa vào sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển giao cho các chủ thể có năng lực khai thác. Vì vậy, xác lập quyền sở hữu công nghiệp và đẩy mạnh thương mại hóa sáng chế là yêu cầu quan trọng nhằm phát huy hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Trong những năm gần đây, Việt Nam ngày càng chú trọng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ. Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 xác định khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đặt mục tiêu tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt khoảng 8-10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ (Quốc hội, 2015). Định hướng này tiếp tục được cập nhật tại Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 21/8/2026, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới (Thủ tướng Chính phủ, 2019). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng của phát triển đất nước, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực làm chủ, ứng dụng công nghệ (Bộ Chính trị, 2024). Đây là những cơ sở chính sách quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp tạo lập, quản trị và khai thác hiệu quả sáng chế.

Về kết quả tạo lập quyền, số lượng đơn sáng chế của các chủ thể Việt Nam có xu hướng gia tăng. Theo Hồ sơ thống kê sở hữu trí tuệ quốc gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, năm 2024 số đơn sáng chế của người nộp đơn cư trú tại Việt Nam đạt 1.226 đơn, tăng 23,7% so với năm trước; tổng số đơn sáng chế do người cư trú Việt Nam nộp tại Việt Nam và ở nước ngoài đạt 1.392 đơn (Bộ Chính trị, (2024). Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và xác lập quyền đối với sáng chế của các chủ thể Việt Nam đang có những bước phát triển nhất định. Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng đơn đăng ký chưa đồng nghĩa với việc toàn bộ các sáng chế được bảo hộ đều được khai thác hiệu quả trên thị trường. Một số doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước quan tâm hơn đến việc quản trị và khai thác tài sản trí tuệ. Sáng chế không còn chỉ được xem là kết quả của hoạt động nghiên cứu và phát triển mà ngày càng được nhìn nhận

như một loại tài sản có khả năng tạo lập lợi thế cạnh tranh. Một số doanh nghiệp đã sử dụng sáng chế trực tiếp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải tiến sản phẩm và quy trình sản xuất; đồng thời từng bước thực hiện các hình thức hợp tác, chuyển giao công nghệ và chuyển giao quyền sử dụng để khai thác giá trị kinh tế của các giải pháp kỹ thuật. Sự phát triển của hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng tạo thêm điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các phương thức quản trị, định giá và khai thác tài sản trí tuệ theo hướng hiện đại hơn.

Tuy nhiên, xét trên phương diện tổng thể, hoạt động khai thác thương mại đối với sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn một số hạn chế thể hiện ở khoảng cách giữa xác lập quyền và đưa sáng chế vào sản xuất, kinh doanh; hoạt động chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng còn hạn chế do khó khăn trong định giá và kết nối thông tin công nghệ với thị trường; nhận thức, năng lực quản trị và nhân lực về sở hữu trí tuệ của một bộ phận doanh nghiệp còn yếu; sự liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, tổ chức nghiên cứu và các chủ thể trung gian chưa hiệu quả; đồng thời, hạn chế về nguồn lực tài chính và cơ chế hỗ trợ cũng gây khó khăn cho quá trình hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm và thương mại hóa sáng chế.

Thứ nhất, khung pháp luật về khai thác thương mại sáng chế chưa thực sự đồng bộ và cụ thể. Các quy định liên quan hiện được phân tán trong pháp luật về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp và dân sự. Mặc dù Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 đã mở rộng các phương thức thương mại hóa như chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, hợp tác, liên doanh, liên kết và tự khai thác (Quốc hội, 2017), cơ chế pháp lý cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp chuyển hóa sáng chế thành sản phẩm và giá trị kinh tế vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện. Đặc biệt, việc định giá sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ vẫn gặp nhiều khó khăn, làm hạn chế các hoạt động góp vốn, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng và huy động vốn.

Thứ hai, sự liên kết giữa cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học và doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ. Hoạt động nghiên cứu và tạo ra sáng chế trong một số trường hợp chưa gắn chặt với nhu cầu của thị trường, trong khi doanh nghiệp lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận các kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng. Các tổ chức trung gian hỗ trợ kết nối cung - cầu công nghệ và thương mại hóa tài sản trí tuệ chưa phát huy đầy đủ vai trò.

Thứ ba, năng lực quản trị và khai thác tài sản trí tuệ của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp vẫn chủ yếu quan tâm đến việc xác lập và bảo vệ quyền mà chưa xây dựng chiến lược khai thác, định giá và thương mại hóa sáng chế. Bên cạnh đó, hạn chế về nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân lực chuyên môn cũng khiến nhiều sáng chế chưa được tiếp tục đầu tư để hoàn thiện và đưa vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Những nguyên nhân trên cho thấy, hạn chế trong khai thác thương mại sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam không chỉ xuất phát từ những bất cập của pháp luật mà còn liên quan đến năng lực thực thi, mức độ liên kết giữa các chủ thể và nguồn lực của doanh nghiệp. Do đó, việc thúc đẩy khai thác thương mại sáng chế cần được thực hiện đồng thời thông qua hoàn thiện pháp luật và tăng cường các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thương mại hóa và khai thác tài sản trí tuệ.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác thương mại đối với sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật về khai thác thương mại sáng chế theo hướng đồng bộ và cụ thể. Cần tăng cường sự thống nhất giữa pháp luật về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Trên cơ sở đó, cần tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn và thực hiện các phương thức khai thác thương mại sáng chế, từ tự khai thác, chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng đến hợp tác, liên doanh, liên kết.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế định giá và giao dịch quyền đối với sáng chế. Cần nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các hướng dẫn về xác định giá trị của sáng chế và tài sản trí tuệ nhằm tạo cơ sở thuận lợi cho hoạt động chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng, góp vốn và huy động vốn. Đồng thời, cần nâng cao tính minh bạch của thông tin và phát triển các cơ chế hỗ trợ kết nối giữa chủ sở hữu sáng chế với các doanh nghiệp, nhà đầu tư và chủ thể có nhu cầu tiếp nhận công nghệ.

Thứ ba, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, tổ chức nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Cần xây dựng cơ chế hợp tác hiệu quả nhằm gắn hoạt động nghiên cứu và tạo ra sáng chế với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường. Đồng thời, cần phát huy vai trò của các tổ chức trung gian trong việc tư vấn, môi giới, kết nối cung - cầu công nghệ và hỗ trợ thương mại hóa sáng chế.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản trị và khai thác tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần chuyển từ cách tiếp cận coi sở hữu trí tuệ chỉ là công cụ bảo vệ quyền sang coi sáng chế là một loại tài sản chiến lược. Theo đó, cần chủ động xây dựng chiến lược quản trị tài sản trí tuệ, đánh giá tiềm năng thị trường của sáng chế và lựa chọn phương thức khai thác phù hợp. Nhà nước và các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp cần tăng cường hoạt động đào tạo, tư vấn và phổ biến kiến thức về quản trị và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Thứ năm, tăng cường hỗ trợ tài chính cho hoạt động thương mại hóa sáng chế. Cần nghiên cứu các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm, sản xuất thử và đưa sản phẩm ra thị trường. Đồng thời, cần khuyến khích sự tham gia của các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính và khu vực tư nhân vào quá trình đầu tư và thương mại hóa các sáng chế có tiềm năng.

5. Kết luận

Pháp luật Việt Nam đã từng bước tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động khai thác thương mại sáng chế thông qua các quy định về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn khoảng cách giữa hoạt động tạo lập, xác lập quyền đối với sáng chế và việc khai thác giá trị kinh tế của các sáng chế. Những hạn chế về tính đồng bộ của pháp luật, cơ chế định giá tài sản trí tuệ, năng lực quản trị của doanh nghiệp, sự liên kết giữa các chủ thể và nguồn lực tài chính đã ảnh hưởng đến hiệu quả thương mại hóa sáng chế. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả khai thác thương mại sáng chế, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và tạo lập nền tảng cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội. (2005a). Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005. (Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022).

Quốc hội. (2005b). Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Quốc hội. (2025c). Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025.

Quốc hội. (2017). Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

Quốc hội. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

Thủ tướng Chính phủ. (2019). Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ. (2026). Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 21/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.